

Số: 78/2022/DS-PT  
Ngày: 28 - 4 - 2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Ngọt  
Ông Lê Minh Đạt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 209/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2021/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2022/QĐPT-DS ngày 16 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thu H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số xx, ấp A, xã M, thành phố B, Bến Tre.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Phan Thị Hồng H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số xxx, Khu phố x, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

**- Bị đơn:** Bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số 3xx, Khu phố x, Phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 0xx, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre;

Địa chỉ liên hệ: Số 1xx/1D, T, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Phạm Thị Hồng N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Huỳnh Thu H là bà Phan Thị Hồng H trình bày:*

Giữa bà H và bà N là chị em bạn thân với nhau. Bà H có cho bà N mượn số tiền như sau:

- Tháng 02/2018 cho mượn số tiền 200.000.000 đồng;
- Tháng 4/2018 cho mượn số tiền 600.000.000 đồng;
- Tháng 5/2018 cho mượn số tiền 200.000.000 đồng.

Cả 03 lần cho mượn đều không làm giấy; không tính lãi. Tổng số tiền mà bà H cho bà N mượn là 1.000.000.000 đồng, mục đích mượn để bà N lo cho gia đình. Thời gian đầu cho mượn không có tính lãi suất cho đến cuối tháng 6/2019 thì bà H yêu cầu bà N trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng thì bà N xin thêm thêm thời gian mượn. Đến tháng 7/2019, thì bà N có trả lãi cho bà H mỗi tháng 7.000.000 đồng, trả lãi đến tháng 12/2020 là ngưng trả cho đến nay. Tháng 9/2020, thì bà N mới viết giấy mượn tiền cho bà H, có nội dung như sau: “*Bà N có nợ bà H 1.000.000.000 đồng, hứa sau này nếu bà N không có tiền trả được tiền bà H thì bà N sẽ sang quỳ H tươi số 3+4 (Hoa tươi Hồng S) cho bà H để trừ số tiền mà bà N mượn của bà H và hai bên có thỏa thuận miệng khi nào bà H lấy lại số tiền nêu trên thì bà H phải báo cho bà N biết trước trong thời hạn là 01 tháng*”.

Khoảng tháng 01, tháng 02/2021, bà H yêu cầu bà N trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng thì bà N cho rằng không có mượn tiền của bà H. Quá trình cho vay thì bà H có nhận lãi của bà N từ tháng 7/2019 đến tháng 12/2020, số tiền là 126.000.000 đồng, không có nhận tiền gốc. Mặc khác, số tiền mà bà H cho bà N mượn là do bà H đã mượn của em trai bà H là Huỳnh Hùng Đ về cho bà N mượn, bà H khẳng định đây là giao dịch dân sự riêng của bà H và em trai Huỳnh Hùng Đ không có liên quan đến số tiền 1.000.000.000 đồng bà H yêu cầu bà N trả lại.

Phía bà N có cung cấp cho Tòa án các file hội thoại 036, 040, 012, 049, 001, 003, 017... thì các file hội thoại này do bà N tự động thu âm và bà N chủ động mớm cung bà H cho rằng bà N chỉ có nợ bà H 600 triệu đồng nhưng bà H

không có thừa nhận cho bà N mượn 600 triệu đồng tại file hội thoại 012 (trang 2) bà N nói “*Nè sáu trăm triệu hả, tôi trả mấy người ba trăm rưỡi, hai trăm triệu mấy người nói tôi hùn vô cái nhà, bà H: Hồng có*”; còn việc bà N cho rằng số tiền 1.000.000.000 đồng đồng thì bà H có cho ông C và bà S mỗi người mượn 200.000.000 đồng, việc này bà H khẳng định là không có, còn việc trong các file hội thoại có nhắc đến tên bà S, ông C thì đây là giao dịch dân sự khác giữa bà H, bà S nó không có liên quan đến số tiền 1.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 14/9/2020.

Bà H không thừa nhận có nhận tổng số tiền 600.000.000 đồng như bà N trình bày và cũng không thừa nhận là có nhận lãi qua bà Ngân đưa với số tiền là 147.000.000 đồng. Việc bà N cung cấp chứng cứ là các file hội thoại do bà N tự động thu âm gửi đến Tòa án thì những file hội thoại này không có liên quan đến việc bà H đòi bà N trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 14/9/2020. Chứng cứ mà bà H khởi kiện bà N là biên nhận tiền do bà N viết cho bà H vào ngày 14/9/2020. Nay bà Huỳnh Thu H yêu cầu bà Phạm Thị Hồng N trả lại tổng số tiền 1.073.500.000 đồng (tiền gốc: 1.000.000.000 đồng, tiền lãi 73.500.000 đồng, tính lãi từ tháng 01/2021 đến ngày 17/11/2021 là 10,5 tháng/1 tỷ đồng, mức lãi suất là 0,83%/tháng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn bà Phạm Thị Hồng N là bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Qua yêu cầu của bà Huỳnh Thu H thì bà Phạm Thị Hồng N không đồng ý, bà N chỉ thừa nhận là có mượn tiền của bà H nhiều lần với tổng số tiền là 600.000.000 đồng. Quá trình mượn thì bà N có trả tiền gốc và lãi cụ thể như sau: Lần 1: 350.000.000 đồng, lần 2: Trả lúc bà H xây nhà thì bà N có đưa cho bà H 200.000.000 đồng và sau đó đưa tiếp 50.000.000 đồng, tổng số tiền là 600.000.000 đồng, các lần trả tiền gốc cho bà H đều không làm giấy tờ, do lúc này bà H và bà N còn sống chung với nhau. Bà N thừa nhận là bà N có viết giấy nợ ngày 14/9/2021, nhưng không phải viết giấy nợ cho bà H với số tiền mượn 600.000.000 đồng mà viết cho em trai là ông C đang mắc nợ và không còn sinh sống chung trong gia đình nữa, nếu sau khi em trai bà N về gia đình thấy số nợ này lớn mà không gây thêm nợ nữa nên bà N lấy tên bà H viết giấy là có nợ bà H số tiền là 1.000.000.000 đồng, nhưng sự thật bà N chỉ mượn tiền có 600.000.000 đồng. Khi bà N trả tiền cho bà H có lấy giấy nợ lại bỏ vào tủ phòng của bà N, sau đó khi bà N đi ra khỏi nhà bà H thì bà N không nhớ lấy giấy nợ này nên bà H dùng giấy này đi kiện bà N.

Quá trình vay từ khoảng tháng 3/2019 đến tháng 12/2020 thì bà N có trả lãi cho bà H là 21 tháng, số tiền là 147.000.000 đồng. Do bà không có chứng cứ nên vào thời gian từ tháng 01/2021 đến tháng 4/2021 bà N đã thu thập chứng cứ

bằng cách điện thoại nói chuyện với bà H qua các file hội thoại 040, 036, 012, 037, 049, 001, 003, 017, 004, 008 thì bà H đã thừa nhận là đã cho bà N mượn số tiền 600.000.000 đồng và đã trả cho bà H đủ số tiền này, cụ thể tại đoạn hội thoại 040 (trang 3) ngày 29/01/2021 bà H nói: “*Làm gì trả hết, ở đâu ra trả hết, đưa người ta có hai trăm năm chục triệu đâu mà trả hết, Mặc cười chị quá, hồi đó chị nói, cái nhà này chị nói em sao, chi đi là chi đi ra không á. Tiền đâu em đưa lại chị, giờ chị trừ ra tiền nhà hai trăm rồi một trăm đó nữa, rồi cộng lại coi là bao nhiêu mà chị nói hết rồi, một tỷ của người ta mà cộng vậy á...*”, đoạn hội thoại này bà H đã thừa nhận có nhận 200 triệu đồng của bà N đưa xây nhà; tiếp bà H thừa nhận 350 triệu đồng của bà N tại file thoại 040, bà H nói “*chị đưa em ba trăm năm chục triệu em đồng ý, giờ ba trăm năm chục triệu đó bán chung chia làm hai*”; số tiền này có liên quan đến bà S và ông C mà bà H đã nói trong file 037 “*N A: Tôi chỉ lấy mấy người sáu trăm, H: Thì lấy sáu trăm, N: Còn tiền kia giữa mấy người với con S làm gì thì làm, H: có chị dính trong đó nữa, hồi em chưa lấy là em kêu ông C trả chị để ông C trả dần dần, H: Chị với chị S đưa tiền em đi, N: Đã tôi nói với mấy người khỏi thế, H: Em không có thế, em nói là ấy, chứ không có ấy chị với chị S đưa tiền em đi, em bước ra là cái mình không á chị, bao nhiêu năm nay em làm cho chị, em không có cái gì hết, em đi ra không có cái gì hết á, N: Tui mượn có sáu trăm chứ đâu phải một tỷ, H: ừ sáu trăm đi xuống dưới hỏi chị S đi. N: Con S nó mượn thì mấy người đi kiếm con S đi. H: Chị hồng ấy thì tôi đâu có cho chị S mượn, chị S đâu có là gì của em. Em với chị không có gì mắc mớ gì em phải đưa cho S số tiền như vậy để rồi làm và trả tiền cho chị. Thời ơi...*”

Qua nhiều cuộc trao đổi qua điện thoại thì bà H đã thừa nhận là bà N chỉ có mượn có 600.000.000 đồng và số tiền này bà N đã trả đủ. Bà N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì đã trả nợ xong và yêu cầu bà H phải trả lại số tiền lãi đưa còn dư là 17.500.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2021/DS-ST ngày 19/11/202 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thu H đối với bị đơn bà Phạm Thị Hồng N. Buộc bà Phạm Thị Hồng N có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thu H tổng số tiền 1.073.500.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn) (trong đó tiền gốc: 1.000.000.000 đồng, tiền lãi là 73.500.000 đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/12/2021 bị đơn bà Phạm Thị Hồng N

kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 16/12/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2021/DS-ST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự chấp nhận Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 16/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, hủy bản án dân sự sơ thẩm; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn bà Huỳnh Thu H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Hồng N trả số tiền 1.000.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 14/9/2020. Bị đơn bà N cho rằng chỉ mượn nợ bà H số tiền 600.000.000 đồng, số tiền này không có làm giấy tờ, các em của bà là ông C mượn 200.000.000 đồng và bà S mượn 200.000.000 đồng nên mới ra số tiền nợ 1.000.000.000 đồng như bà H khởi kiện.

[2] Căn cứ chứng minh cho lời trình bày của bà N là các đoạn ghi âm:

Tại đoạn hội thoại 036 được ghi âm ngày 24/4/2020 có đoạn bà N nói: "Một tỷ đó là tiền của thằng C mượn mày một trăm mấy tao không biết nha. Tiền của chị H mày nhập vô hai trăm triệu mày tính cho tao"; bà H trả lời: "Bà kêu tôi chứ ai, bà kêu tui đi vay cho nó chứ ai, thôi ời. Chị H nhập vô cái đầu bà, tiền đó bà đưa bà S á".

Theo File thoại 037 ngày 24/4/2021 có đoạn bà H nói: "Làm gì trừ, chị mới đưa em có hai trăm rưỡi hà", bà N nói: "Ba trăm rưỡi". Bà H trả lời: "Ba trăm rưỡi chị cho em nữa chứ. Em bán từ nào giờ, chị không đưa em đồng bạc nào

hết, giờ chị nói vậy". Bà N: "Tôi chỉ lấy mấy người sáu trăm. Còn tiền kia mấy người với con S làm gì làm". Bà H: "Thì lấy sáu trăm, có chị dính trong đó nữa, hồi em chưa lấy là em kêu ông C trả chị, để ông C trả dần dần".

Tại đoạn hội thoại số 038 ngày 24/4/2021 (trang 2) thì bà N nói: "Nè sáu trăm triệu há, tôi trả mấy người ba trăm rưỡi, hai trăm triệu mấy người nói tôi hùng vô cái nhà", H nói: "Không biết". N nói: "Là cái tiền đó mấy người tự lấy tôi hông biết luôn nha". N nói: "Không biết". N nói: "Tui nói mấy người vậy đó là tui trả mấy người năm trăm rưỡi còn tiền mấy người mượn tôi linh tinh tui không cần biết". H nói: "Chị, chị, trở về nhà đi". Tiếp qua trang 3 chị N nói: "Tui chỉ mượn 600, còn tiền của thằng C mà mấy người nói nó mượn là tui không biết nha. Còn 200 triệu của S là tiền của chị H đưa tui."

Tại đoạn hội thoại số 040 (trang 3) ngày 29/01/2021 bà H nói: "Làm gì trả hết, ở đâu ra trả hết, đưa người ta có hai trăm năm chục triệu đâu mà trả hết, Mặc cười chị quá, hồi đó chị nói, cái nhà này chị nói em sao, chị đi là chị đi ra không á. Tiền đâu em đưa lại chị, giờ chị trừ ra tiền nhà hai trăm rồi một trăm đó nữa, rồi cộng lại coi là bao nhiêu mà chị nói hết rồi, một tỷ của người ta má cộng vậy á..."

Tuy nhiên, phía bà H không thừa nhận nội dung cuộc hội thoại nêu trên là nói về số tiền 1.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 14/9/2020, việc vay mượn nhắc đến ông C, bà S là một giao dịch dân sự khác, bà H không thừa nhận đã nhận của bà N 600.000.000 đồng, không nhận tiền gốc do bà N trả cũng như không có nhận lãi với số tiền là 147.000.000 đồng theo bà N trình bày.

[3] Xét chứng cứ nguyên đơn giao nộp là biên nhận nợ ngày 14/9/2020 có nội dung thể hiện bà N có nợ của bà H số tiền 1.000.000.000 đồng nếu sau này không có khả năng trả tiền sẽ sang quầy hoa tươi mà bà N đang kinh doanh cho bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án bà N thừa nhận biên nhận nợ này do bà viết và ký tên là số tiền khác với số tiền nợ bà có nợ bà H. Mục đích khi viết biên nhận này để em của bà (ông C) tin bà không còn tiền và đang nợ nhiều sẽ không vay mượn nơi khác để bà phải trả thay nhưng bà lại không giữ bản chính của biên nhận nợ này; bà chỉ có nợ bà H số tiền 600.000.000 đồng, ông C mượn 200.000.000 đồng và bà S mượn 200.000.000 đồng nên bà H gộp lại với số tiền 1.000.000.000 đồng; trùng hợp với biên nhận bà viết cho bà H ngày 14/9/2020. Số tiền trong biên nhận khác với số tiền vay mượn thực tế nhưng bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà và phía bà H cũng không đồng ý có sự việc như bà N trình bày. Do bà N là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thực hiện giao dịch dân sự một cách tự nguyện, không chứng minh được bị lừa dối, ép buộc để viết biên nhận ngày 14/9/2020 nên nay bà H khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền 1.000.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 14/9/2020 là có căn cứ.

[4] Đối với số tiền lãi mà bà H đã nhận của bà N từ tháng 7/2019 đến tháng 12/2020 là 18 tháng, số tiền 126.000.000 đồng là phù hợp theo qui định của pháp luật về mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước qui định đối với lãi suất không có thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền là 0,83%/tháng.

Việc yêu cầu tính lãi của bà H mỗi tháng là 7.000.000 đồng, thời gian là 10,5 tháng kể từ tháng 01/2021 đến ngày 15/11/2021, với mức lãi 7.000.000 đồng/tháng/01 tỷ đồng là phù hợp theo qui định của pháp luật về lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định nên được chấp nhận. Do đó, bà N phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà H với thời gian là 10 tháng 15 ngày với số tiền 73.500.000 đồng. Bà N cho rằng hai bên không có thỏa thuận phải trả lãi kể từ tháng 01/2021 cho đến nay nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ minh cho lời trình bày của bà nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[5] Đối với việc N yêu cầu bà H trả lại số tiền lãi đóng dư cho bà H là 17.500.000 đồng, thì trong quá trình giải quyết vụ án bà N không có trình bày đã đóng lãi cho bà H là 147.000.000 đồng và cũng không có yêu cầu bà H trả lại số tiền 17.500.000 đồng. Nay đối với yêu cầu này bà N cũng không có chứng cứ chứng minh đã đóng lãi cho bà H số tiền 147.000.000 đồng và bà H cũng không có thừa nhận đã nhận tiền lãi 147.000.000 đồng của bà N thông qua bà Châu đưa, bà H chỉ nhận lãi số tiền 126.000.000 đồng do bà N đưa trực tiếp cho bà từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2020 nên yêu cầu của bà N yêu cầu bà H trả lại số tiền 17.500.000 đồng là không có cơ sở.

[6] Bà N cho rằng số tiền tranh chấp này có liên quan đến bà Hồng, bà S, ông C.... Căn cứ vào thông báo cung cấp chứng cứ số: 46/TB-TA ngày 05/10/2021 thì trong thông báo này đã yêu cầu bà N trong thời hạn 15 ngày phải cung cấp cho Tòa án những chứng cứ để chứng minh và làm đơn yêu cầu phản tố để chứng minh cho việc bà N chỉ vay mượn của có bà H 600.000.000 đồng và đã trả 600.000.000 đồng nhưng đến nay đã hết thời hạn cung cấp chứng cứ mà bà N vẫn không cung cấp họ tên, địa chỉ của người làm chứng cũng như làm đơn phản tố đối với nguyên đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[7] Theo kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa thì nội dung lược giải từ các đoạn ghi âm nêu trên có nhắc tới số tiền 600.000.000 đồng, 350.000.000 đồng, 250.000.000 đồng, 200.000.000 đồng mà bà N thừa nhận có vay và đã trả xong cho bà H. Lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn có nhiều mâu thuẫn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành cho nguyên đơn, bị đơn đối chất với nhau. Phía nguyên đơn có lúc cho rằng giọng nói trong đoạn ghi âm do phía bị đơn giao nộp đúng là giọng nói của phía nguyên đơn, nhưng không thừa nhận có liên quan đến số tiền 1 tỷ đồng trong vụ án. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ các file ghi âm có bị cắt ghép hay không bởi theo nguyên đơn do bà N trốn tranh

nghĩa vụ trả nợ nên đã chuẩn bị sẵn và cố tình ghi âm để gài bà (bút lục 68, 71, 72). Còn theo bị đơn thì thời gian ghi âm là sau khi có tờ nhận nợ ngày 14/9/2020. Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa tiến hành lấy lời khai của những người liên quan được nhắc đến trong các đoạn ghi âm để có cơ sở chấp nhận hay bác bỏ lời trình bày của bị đơn là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Phạm Thị Hồng S (em bà N), Huỳnh Hùng Đ (em bà H) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xác minh làm rõ nguồn gốc số tiền cho mượn, số tiền từng người mượn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, vì phía bà N thừa nhận số tiền trong biên nhận bà H yêu cầu là số tiền khác với số tiền nợ 600.000.000 đồng trong các đoạn ghi âm, bà chỉ viết biên nhận để ông C tin là bà có nợ, trong khi bà N không có yêu cầu phản tố nên việc hủy án là không cần thiết.

Từ những nhận định nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Hồng N; không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Quan điểm của Kiểm sát viên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Hồng N thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Hồng N.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2021/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Căn cứ vào điều 91, 92 , 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thu H đối với bị đơn bà Phạm Thị Hồng N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.



Buộc bà Phạm Thị Hồng N phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thu H số tiền 1.073.500.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) (trong đó tiền gốc: 1.000.000.000 đồng, tiền lãi là 73.500.000 đồng).

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Hồng N được miễn nộp.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Huỳnh Thu H với số tiền là 23.025.000 đồng (hai mươi ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005363 ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Hồng N được miễn nộp.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND TP. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký tên và đóng dấu)**

**Nguyễn Thị Ngọc Hương**

